

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày: 12-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Giang

Ông Dương Xuân Đỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Nguyệt - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ T**, sinh năm 197x; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, Thành phố H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đăng N và bà: Nguyễn Thị H; Có chồng: Trần Đình D; Có 03 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-10-2017 đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Văn Th, sinh năm 199x; Cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện Đ, Thành phố H - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 20 giờ 45 phút ngày 05-10-2017, tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an huyện Đ làm nhiệm vụ tại thôn T, xã T, huyện Đ, Thành phố H kiểm tra hành chính đối với Nguyễn Thị T, Trần Văn Th (sinh

năm: 199x; Cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện Đ, Thành phố H) và Nguyễn Quang Q (sinh năm: 199x; Cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện Đ, Thành phố H), phát hiện và tạm giữ của Nguyễn Thị T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu: vàng, số thuê bao: 01666144289, trong lòng bàn tay phải; 300.000 đồng trong lòng bàn tay trái; 500.000 đồng trong túi quần phía trước bên trái và 01 túi vải đeo trên người bên trong có 11.800.000 đồng . Qua đấu tranh khai thác tại chỗ, T đã tự nguyện giao nộp 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (10x13)cm bên trong chứa 24 túi nilon màu trắng đều có kích thước khoảng (2x3)cm bên trong đều chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy tổng hợp, 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (4x4)cm bên trong chứa 16 viên nén màu hồng nghi là ma túy tổng hợp và 10 túi nilon màu trắng kích thước (2x3)cm chưa qua sử dụng được T cất giấu trong chiếc quần ngủ để trong nhà tắm của T. Phát hiện tạm giữ của Trần Văn Th: 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (1,5x2)cm bên trong có chứa 03 viên nén màu hồng nghi là ma túy tổng hợp trong lòng bàn tay phải; 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (2x3)cm bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy tổng hợp trong túi quần phía trước bên trái và 01 điện thoại di động nhãn hiệu WING, vỏ màu: Đen, số thuê bao: 0921068557 trong lòng bàn tay phải. Khám người theo thủ tục hành chính đối với Nguyễn Quang Q không phát hiện tạm giữ tang vật gì liên quan đến vụ án. Tổ công tác đã lập biên bản tạm giữ, niêm phong vật chứng rồi đưa các đối tượng liên quan về trụ sở để tiếp tục điều tra làm rõ.

Ngày 06-10-2017, khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị T tại thôn T, xã T, huyện Đ, Thành phố H không phát hiện thu giữ gì.

Ngày 26-10-2017, Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố H có Kết luận giám định số 6007/KLGD-PC54, kết luận:

- Tinh thể màu trắng trong 24 túi nilon thu giữ của Nguyễn Thị T là ma túy loại Methamphetamine, có tổng trọng lượng là 4,617 gam.
- 16 viên nén màu hồng thu giữ của Nguyễn Thị T là ma túy loại Methamphetamine, có tổng trọng lượng là 1,551 gam.
- Tinh thể màu trắng trong 01 túi nilon thu giữ của Trần Văn Th là ma túy loại Methamphetamine, có trọng lượng là 0,106 gam.
- 03 viên nén màu hồng thu giữ của Trần Văn Th là ma túy loại Methamphetamine, tổng trọng lượng 0,283 gam.

Kết quả điều tra xác định:

Khoảng hai tuần trước khi bị bắt, do có nhu cầu mua ma túy về nhằm mục đích bán cho khách để kiếm lời, Nguyễn Thị T đã đi một mình đến khu vực ngã tư Cầu Diễn thuộc quận Bắc Từ Liêm (không nhớ thời gian, địa chỉ cụ thể) tìm, gặp và mua của một người đàn ông đứng ven đường (không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) 19 viên ma túy “ngựa” với giá 60.000đ/01 viên và 01 túi nilon bên trong chứa ma túy “đá” với tổng số tiền cả “đá” và “ngựa” là 3.000.000 đồng. Khi mua

được ma túy, T đem về nhà chia số ma túy “đá” ra làm 25 túi nhỏ kích thước (02x03)cm. Sau khi chia ma túy xong, T cất giấu toàn bộ số ma túy “đá” và “ngựa” trong quần ngũ treo tại nhà tắm của T.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 05-10-2017, khi T đang ở nhà thì nhận được điện thoại gọi từ số 0921068557 của Th gọi đến số 01666144289 của T đặt vấn đề mua 500.000 đồng tiền ma túy “đá”. T bảo Th đang có việc bận, gọi lại sau và đi lấy 01 túi nilon nhỏ chứa ma túy “đá” đã cất giấu trong nhà tắm trước đó. Khoảng 10 phút sau, Th gọi lại thì T hẹn Th vào nhà để giao ma túy và nhận tiền. Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, Th đến cổng nhà T. Tại đây, Th đưa cho T 500.000 đồng (bao gồm 02 tờ mệnh giá 200.000 đồng và 02 tờ mệnh giá 50.000 đồng), T cầm tiền và đưa lại cho Th 01 túi ma túy “đá” T đã chuẩn bị từ trước. Sau khi giao dịch xong, Th đi đâu T không biết. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Th tiếp tục gọi điện từ số 0921068557 của Th đến số 01666144289 của T và đặt vấn đề mua 03 viên ma túy “ngựa”. T đồng ý, thống nhất giá là 100.000 đồng/01 viên và tiếp tục hẹn Th đến nhà T để giao ma túy và nhận tiền. Cùng lúc đó, T đi vào nhà tắm lấy 03 viên ma túy “ngựa” cho vào túi nilon (1,5x2)cm. Khoảng 15 phút sau, Th cùng Nguyễn Quang Q đến cổng nhà T. Tại đây, Th đưa cho T 300.000 đồng (bao gồm 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng). Nhận tiền xong, T đưa cho Th 01 túi ma túy chứa 03 viên ma túy “ngựa”. Khi T và Th vừa giao dịch mua bán ma túy xong thì bị lực lượng công an đến kiểm tra, phát hiện và bắt giữ.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Thị T và Trần Văn Th, Cơ quan điều tra đã dẫn giải T và Th đi xác định vị trí mua bán trái phép chất ma túy vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 05-10-2017 tại khu vực cổng nhà T tại thôn T, xã T, huyện Đ, Thành phố H. Kết quả, T và Th đã xác định được địa điểm mua bán trái phép chất ma túy phù hợp với lời khai trên.

Đối với số tiền 12.600.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Thị T bao gồm: Số tiền 800.000 đồng là do T bán ma túy cho Th mà có nên cần chuyển Tòa án nhân dân huyện Đ xử lý theo thẩm quyền; Số tiền 11.800.000 đồng trong đó có 1.800.000 đồng là số tiền T do lao động mà có, số tiền 10.000.000 đồng còn lại T khai nhận là số tiền của con ruột là chị Trần Thị Phương Đ (sinh năm: 199x; Cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện Đ, Thành phố H) nhờ T giữ hộ ngày 03-10-2017. Khi nào Đ có việc cần thì T đưa lại cho Đ để Đ dùng cho công việc cá nhân. Ghi lời khai của chị Trần Thị Phương Đ, chị Đ trình bày phù hợp với lời khai của T, Cơ quan điều tra xác định số tiền 10.000.000 đồng trên là tài sản hợp pháp của chị Đ.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu vàng, số thuê bao 01666144289; 01 quần ngũ T dùng để cất giấu ma túy; 10 túi nilon kích thước (2x3)cm chưa qua sử dụng thu giữ của T là tài sản của T dùng vào

việc mua bán ma túy nên chuyển Tòa án nhân dân huyện Đ xử lý theo thẩm quyền.

Đối với 01 túi vải thu giữ của T là tài sản của T không liên quan đến hành vi phạm tội, T ủy quyền cho chị Đ nhận để quản lý và sử dụng. Ngày 03-01-2018, Cơ quan điều tra đã trao trả số tiền 10.000.000 đồng và 01 túi vải cho chị Đ quản lý sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn Th khai nhận phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị T. Mục đích Th mua ma túy của T về để sử dụng cho bản thân, ngoài ra không còn mục đích nào khác. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Th không cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 26-10-2017, Công an huyện Đ đã xử phạt hành chính 1.500.000 đồng đối với Trần Văn Th.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu WING, vỏ màu đen, số thuê bao 0921068557 thu giữ của Th là tài sản của Th dùng để liên lạc mua ma túy của Th chuyển Tòa án nhân dân huyện Đ xử lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Quang Q khai nhận phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị T, Trần Văn Th. Việc Th mua ma túy của T thì Q không biết trước, chỉ đến khi Th và T giao dịch thì Q mới biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Q.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho T, cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra nhưng không xác minh làm rõ được.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKSĐA ngày 24-01-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố H truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T thành khẩn khai nhận hành vi như nội dung Cáo trạng đã nêu, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T mức án từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Đề nghị trả lại bị cáo số tiền 1.800.000 đồng thu giữ của bị cáo và xử lý các vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng bị cáo trình bày: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về chăm sóc các con và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người mua ma túy là Trần Văn Th, phù hợp với lời khai của người làm chứng là anh Nguyễn Quang Q, cùng Biên bản khám người theo thủ tục hành chính, Biên bản tạm giữ đồ vật, Biên bản kiểm tra nhật ký điện thoại, Biên bản nhận dạng ma túy, Biên bản xác định địa điểm mua bán ma túy và Kết luận giám định chất ma túy cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị T đã có hành vi 02 lần mua bán trái phép chất ma túy, cụ thể: Vào khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 05-10-2017, bị cáo Nguyễn Thị T đã có hành vi bán 0,106 gam ma túy loại Methamphetamine với giá 500.000 đồng cho Trần Văn Th tại thôn T, xã T, huyện Đ, Thành phố H. Và khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 05-10-2017 bị cáo Nguyễn Thị T tiếp tục có hành vi bán 0,283 gam ma túy loại Methamphetamine cho Trần Văn Th tại thôn T, xã T huyện Đ, Thành phố H với giá 300.000 đồng.

Methamphetamine là chất ma túy số 67 trong Danh mục II các chất ma túy ban hành kèm theo Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013 của Chính phủ. Do đó, bị cáo đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ bảy năm đến 15 năm:

b. Phạm tội nhiều lần;

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người và đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy. Ma túy là chất dễ gây nghiện, tạo ảo giác, khiến người sử dụng không kiểm soát được bản thân, gây nguy hiểm đến tính mạng và sức khỏe của người sử dụng, làm lây lan các căn

bệnh xã hội nguy hiểm và là nguyên nhân phát sinh một số loại tội phạm khác. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự nhưng do tham lam tư lợi, bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo hai lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy được xác định là tình tiết định khung hình phạt nên không xác định là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ Luật hình sự; Bị cáo không có tiền án, tiền sự nên được xác định là có nhân thân tốt.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã xem xét thái độ khai báo của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có chồng hiện đang phải chấp hành án phạt tù, con còn nhỏ nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy, cần xử phạt bị cáo mức án tù trong khung hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và có tác dụng phòng ngừa tội phạm may túy nói riêng và các tội phạm khác nói chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo có tài sản là số tiền 1.800.000 đồng bị thu giữ khi bị bắt, được xác định là số tiền có được do lao động mà có, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”, Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu sung quy Nhà nước số tiền trên.

[7] Đối với việc Trần Văn Th mua ma túy của T về để sử dụng cho bản thân, ngoài ra không còn mục đích nào khác, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Thảo không cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 26-10-2017, Công an huyện Đ đã xử phạt hành chính 1.500.000 đồng đối với Trần Văn Th là có căn cứ. Đối với Nguyễn Quang Q, không tham gia, không biết trước việc Th mua ma túy của T, chỉ đến khi Th và T giao dịch mua bán ma túy thì Q mới biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Q là có căn cứ.

[8] Về xử lý vật chứng: Toàn bộ số lượng ma túy thu giữ của Nguyễn Thị T và Trần Văn Th là chất cấm lưu hành; 01 quần ngủ không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu vàng, số thuê bao 01666144289 thu giữ của T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu WING, vỏ màu đen, số thuê bao 0921068557 thu giữ của Th là công cụ phương tiện phạm tội; số tiền 800.000 đồng do T bán ma túy mà có nên cần

tịch thu, sung quỹ Nhà nước. Số tiền 1.800.000 đồng là tài sản hợp pháp của bị cáo T do lao động mà có, nay tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng và 01 túi vải tạm giữ của Nguyễn Thị T, là tài sản hợp pháp của chị Trần Thị Phương Đ và Nguyễn Thị T, Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả tài sản trên cho chị Đ là có căn cứ.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Căn cứ vào: Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06-10-2017.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong chứa 6,168 gam Methamphetamine, bên ngoài có chữ ký của Nguyễn Thị T và Giám định viên; 01 phong bì niêm phong bên trong có 10 túi nilon màu trắng kích thước 2x3cm chưa qua sử dụng, bên ngoài có chữ ký của Nguyễn Thị T; 01 quần ngủ; 01 phong bì niêm phong bên trong chứa 0,389 gam Methamphetamine, bên ngoài có chữ ký của Trần Văn Th và Giám định viên có đặc điểm, tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29-01-2018 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu vàng, số thuê bao 01666144289, số Imei1 359046089117196/01, số Imei2 359047089117194/01; 01 điện thoại di động nhãn hiệu WING, vỏ màu đen, số thuê bao 0921068557, số Imei1 8648633041371952, số Imei2 864863041371960 có đặc điểm, tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29-01-2018 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) thu giữ của Nguyễn Thị T theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.9056757.00000 ngày 31-01-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ tại Kho bạc nhà nước huyện Đ.

Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Thi hành án hình sự;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Cao Anh Tuấn
(Đã ký)**